

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám

2. Ông Lê Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 05 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-DS, ngày 07/07/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Diệp Thị Phương T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 44 ấp Đại C, xã Đại T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn: Ông **La Trọng B**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 86 ấp Giồng C, xã Tham Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/03/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Diệp Thị Phương T trình bày:

Vào năm 2017 bà và ông B kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tham Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 03/2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông La Trọng B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên La Diệp An D, sinh ngày 07/04/2018 hiện nay đang sống với bà T. Nay về con chung bà yêu cầu được nuôi con, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên bà T không yêu cầu toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông La Trọng B thì sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn B vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông La Trọng B theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung:**

[3] - *Về hôn nhân:*

Bà Diệp Thị Phương T và ông La Trọng B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã Tham Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/6/2017 theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và cuối cùng bà T và ông B sống ly thân nhau từ năm tháng 03/2020 cho đến nay.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông B và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông B không còn quan tâm gì đến vợ con và ông bà đã ly thân nhau từ tháng 3/2020 đến nay không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

[4] - *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, bà T và ông B đã có với nhau một con chung tên La Diệp An D, sinh ngày 07/04/2018, hiện nay đang sống với bà T. Nay về con chung bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử, xét thấy, từ trước đến nay cháu D sống chung với bà Trân và bà T có nguyện vọng tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D đến tuổi trưởng thành, **còn ông B không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó để ổn định, tránh cuộc sống của cháu D bị xáo trộn** nên cần tiếp tục để cháu D được sống chung với mẹ nên giao cháu D cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[5] - *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với ông B.

[6] - *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội** thì bà Trân phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[8]- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là: Về hôn nhân cho bà T được ly hôn với ông B, về con chung giao cho bà T được nuôi dưỡng cháu D, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị Phương Trân.

- Về hôn nhân: Bà Diệp Thị Phương T được ly hôn với ông La Trọng B.

- Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu tên La Diệp An D, sinh ngày 07/04/2018, đến tuổi trưởng thành. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho ông B không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000286, ngày 07/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn B thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải